

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo giấy rút dự toán số 17a + 17b + 17c ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Ủy nhiệm chi số 41 ngày 03 tháng 3 năm 2021)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: TRƯỜNG MẦM NON 9

2. Mã đơn vị: 1048792

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt

I. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Tiền khoản	Tiền học bổng		
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền phụ cấp và trợ cấp khác								Tiền lễ chăm lo tết âm lịch từ quỹ phúc lợi					
					Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/QĐND ngày 24/9/2020	Phụ cấp ưu đãi	PC hỗ trợ mầm non 25-35%	Chính sách ưu đãi GYMN theo nghị quyết số 04/2017/QH-UBND	Phụ cấp trách nhiệm		Chi lương đợt 1 cho NV HĐ trường			Tiền chăm lo tết âm lịch từ ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7	8	9.1	9.2	9.3	9.4	9.5	9.5	9.6	10	11	12	
Tổng số					279.687.032	163.496.556	15.974.856	-	4.470.000	53.547.620	-	40.900.000	298.000	-	-	1.000.000	-	
I	Đối với công chức, viên chức:				263.712.176	163.496.556	-	-	4.470.000	53.547.620	-	40.900.000	298.000	-	-	1.000.000		
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	10.355.437	7.841.807					2.513.630								
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	10.942.187	8.334.687					2.607.500								
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	9.891.306	6.310.091		1.490.000	2.091.215										
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	12.249.186	8.102.116			2.597.070		1.550.000								
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	11.706.671	6.481.586		1.490.000	2.185.085		1.550.000								
6	Ngô Hoàng Uyên Mì	0107817627	NH Đông Á	8.925.178	5.466.488			1.908.690		1.550.000								
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	8.757.366	5.366.471			1.840.895		1.550.000								
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	8.663.218	5.272.323			1.840.895		1.550.000								
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	8.260.203	4.973.608			1.736.595		1.550.000								
10	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	6.681.013	3.738.608			1.392.405		1.550.000								
11	Lê Thụy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	8.701.051	5.597.576			1.903.475		1.200.000								
12	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	8.324.894	5.033.084			1.741.810		1.550.000								
13	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	7.930.354	4.988.544			1.741.810		1.200.000								
14	Phạm Thị Nguyễn Thùy	0109940965	NH Đông Á	7.386.493	4.606.348			1.580.145		1.200.000								
15	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	9.720.990	4.996.545		1.490.000	1.684.445		1.550.000								
16	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đông Á	7.574.866	4.444.721			1.580.145		1.550.000								
17	Trần Thị Bích Trâm	0102552460	NH Đông Á	7.184.461	4.404.316			1.580.145		1.200.000								
18	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	7.224.866	4.444.721			1.580.145		1.200.000								

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Tiền khoản	Tiền học bổng	Ghi chú			
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2020	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác											
									Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp trợ nhân non 25-35%	Chính sách thu hút GVNN theo nghị quyết số 68/2017/QĐ-HĐ	Phụ cấp trách nhiệm	Chi lương đợt 1 cho NV HĐ trường	Tiền chăm lo tết âm lịch từ ngân sách				Tiền lễ chăm lo tết âm lịch từ quỹ phúc lợi		
19	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đồng Á	6.535.917	3.917.437			1.418.480		1.200.000										
20	Nguyễn Thị Thùy Trang	0107817774	NH Đồng Á	7.349.569	4.999.479			1.700.090		650.000										
21	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đồng Á	6.885.917	3.917.437			1.418.480		1.550.000										
22	Sư Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đồng Á	6.885.917	3.917.437			1.418.480		1.550.000										
23	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đồng Á	6.181.363	3.374.548			1.256.815		1.550.000										
24	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đồng Á	6.385.574	5.587.574			-			298.000						500.000			
25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đồng Á	5.670.670	3.213.855			1.256.815		1.200.000										
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đồng Á	5.670.670	3.213.855			1.256.815		1.200.000										
27	Trần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đồng Á	5.670.670	3.213.855			1.256.815		1.200.000										
28	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đồng Á	9.051.051	5.597.576			1.903.475		1.550.000										
29	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đồng Á	8.925.178	5.466.488			1.908.690		1.550.000										
30	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đồng Á	8.171.388	4.884.793			1.736.595		1.550.000										
31	Nguyễn Song Hà Nỳ	0110899069	NH Đồng Á	5.000.393	2.480.403			969.990		1.550.000										
32	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đồng Á	5.000.393	2.480.403			969.990		1.550.000										
33	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đồng Á	5.000.393	2.480.403			969.990		1.550.000										
34	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đồng Á	4.847.373	4.347.373			-									500.000			
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)			9.374.856	-		9.374.856	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phạm Thanh Phú	0102382400	NH Đồng Á	1.800.292			1.800.292													
2	Nguyễn Dương	0108802675	NH Đồng Á	1.733.615			1.733.615													
3	Bùi Diễm Tú Minh	0101631076	NH Đồng Á	2.053.667			2.053.667													
4	Ôn Thị Thanh Thanh	0102382400	NH Đồng Á	2.053.667			2.053.667													
5	Mai Thị Nguyệt	0101631076	NH Đồng Á	1.733.615			1.733.615													
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			6.600.000	-		6.600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0108209444	NH Đồng Á	2.200.000			2.200.000													
2	Lê Thị Yến Trinh	0103641702	NH Đồng Á	2.200.000			2.200.000													
3	Ngô Thị Cẩm Linh	0108802675	NH Đồng Á	2.200.000			2.200.000													

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn không trăm ba mươi hai đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi số với tháng trước:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng theo QĐ : ngày 24/9/2020	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác					Tiền lương đợt 1 cho NV HĐ	Tiền chăm lo tết âm lịch từ ngân sách	Tiền lễ chăm lo tết âm lịch từ quỹ phúc lợi

Người lập


Nguyễn Thị Hồng Tâm

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Tâm

Ngày 24 tháng 3 năm 2021
TRƯỜNG TRƯỞNG đơn vị
MÃM NON
9
HỒ CHÍ MINH
TRẦN THỊ KIỀU NHUNG

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

Ngày.....thángnăm
Giám đốc BKNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện